

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS - ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2022
“*V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên

2. Ông Phan Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về “***Tranh chấp hụi***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST – DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Xuân T, sinh năm 1961

Địa chỉ: 74B đường L, tổ 11, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Diễm P

Địa chỉ: 80/25 đường V, tổ 8, phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2022, bản tự khai ngày 07 tháng 3 năm 2022, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Xuân T trình bày:

Năm 2020 bà chơi 03 chân hụi của bà Trương Thị Diễm P, cụ thể:

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 âm lịch (là ngày 08 tháng 7 năm 2020 dương lịch) đến ngày 18 tháng 11 năm 2021 âm lịch (là ngày 31 tháng 12 năm 2020 dương lịch), bà chơi chân hụi

2.000.000 đồng, có 20 người chơi, trút ông bà được nhận số tiền 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 âm lịch (là ngày 25 tháng 10 năm 2020 dương lịch) đến ngày 09 tháng 01 năm 2021 âm lịch (là ngày 20 tháng 02 năm 2021 dương lịch), bà chơi chân hụi 2.000.000 đồng, có 17 người chơi, trút ông bà được nhận số tiền 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng.

Ngoài ra, ngày 14 tháng 5 năm 2021 âm lịch (là ngày 23 tháng 6 năm 2021 dương lịch) bà chơi chân hụi 1.000.000 đồng, bà đóng hụi đến ngày 14 tháng 12 năm 2021 âm lịch (là ngày 16 tháng 01 năm 2022 dương lịch) là 7.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền hoa hồng. Sau đó bà dừng chơi và không đóng tiền hụi cho bà P nữa.

Như vậy, tổng số tiền hụi mà bà Trương Thị Diễm P có nghĩa vụ thanh toán cho bà là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng. Bà nhiều lần yêu cầu bà P trả số tiền 02 chân hụi bà được trút ông là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và số tiền 8.000.000 đồng của chân hụi 1.000.000 đồng nhưng không được nên đã nhờ Công an thành phố P can thiệp. Tại Công an thành phố P bà P thừa nhận còn nợ bà 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng và hẹn đến ngày 07 tháng 02 năm 2022 sẽ thanh toán nhưng đến hạn bà P cũng không thực hiện.

Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết, buộc bà Trương Thị Diễm P phải trả cho bà số tiền 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng. Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Diễm P trả cho bà 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng theo Biên bản làm việc ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đối với bị đơn bà Trương Thị Diễm P:

Bà Trương Thị Diễm P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để bà trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Xuân T nhưng bà không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn bà Đỗ Thị Xuân T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn bà Trương Thị Diễm P, việc tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Xuân T, buộc bà Trương Thị Diễm P trả cho bà Đỗ Thị Xuân T số tiền 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng. Bà Trương Thị Diễm P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá thời hạn theo thỏa thuận trong Biên bản làm việc ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Công an thành phố P nhưng bà Trương Thị Diễm P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà Đỗ Thị Xuân T đã phát sinh quyền khởi kiện.

Nội dung Biên bản làm việc ngày 11 tháng 01 năm 2022 ghi nhận tại thời điểm lập biên bản bà P còn nợ tiền bà T mà không chỉ ra nguồn gốc khoản nợ là từ việc vay tiền hay chơi hụi. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định lại là “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”; bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ bà Trương Thị Diễm P để bà P trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Xuân T, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Xuân T thay đổi yêu cầu khởi kiện theo hướng yêu cầu bà Trương Thị Diễm P trả số tiền 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Biên bản làm việc ngày 11 tháng 01 năm 2022 được cán bộ điều tra lập tại trụ sở Công an thành phố P ghi nhận ý kiến của bà Đỗ Thị Xuân T và bà Trương Thị Diễm P trong quá trình làm việc, bên góc trái cuối trang 02 của Biên bản có chữ ký và ghi tên Đỗ Thị Xuân T, Trương Thị Diễm P. Biên bản này được lập công khai, minh bạch; bà P cũng không có văn bản phản hồi thể hiện bà bị lừa dối, cưỡng ép khi làm việc; biên bản gốc hiện đang được Công an thành phố P lưu trữ. Quá trình tố tụng, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ được họ xác lập sau ngày 11 tháng 01 năm 2022 có nội dung khác hoặc trái ngược với nội dung Biên bản làm việc tại cơ quan công an. Do đó Biên bản làm việc ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Công an thành phố P là căn cứ pháp lý để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên.

Từ dòng thứ 22 đến dòng thứ 32 tính từ trên xuống trang 01 của Biên bản làm việc có nội dung “*Chị Trương Thị Diễm P có nợ bà Đỗ Thị Xuân T số tiền là 38.000.000^d (ba mươi tám triệu đồng) Hạn phải thanh toán là ngày 21/12/2021 Song vì một số việc ngoài ý muốn nên bà P đến nay vẫn chưa trả số tiền 38.000.000^d cho bà T.*

Bà T yêu cầu bà P phải thanh toán số tiền 38.000.000^d cho bà T vào ngày 22/01/2022.

Bà P có trình bày rằng từ nay đến ngày 06/02/2022 tôi không có khoản thu nào nên tôi không đủ khả năng trả cho bà T. Ngày 07/02/2022 bà P sẽ thanh toán số tiền trên cho bà T”

Theo đó, bà Trương Thị Diễm P thừa nhận nợ bà Đỗ Thị Xuân T 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng và cam kết trả tiền vào ngày 07 tháng 02 năm 2022. Mặc dù, bà T không cung cấp được giấy nợ hay giấy ghi hụi có chữ ký, ghi tên xác nhận của bà P nhưng bằng lời nói và hành vi ký tên vào Biên bản làm việc ngày 11 tháng 01 năm 2022 trước cán bộ của Công an thành phố P, về mặt pháp lý, bà P đã tự nguyện xác lập cho bản thân khoản nợ là 38.000.000 đồng và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T khi đến hạn đã cam kết ngày 07 tháng 02

năm 2022. Quá trình tố tụng và phiên tòa, bà P không cung cấp được chứng cứ bà đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền theo cam kết.

Như vậy có cơ sở xác định, bà Trương Thị Diễm P nợ tiền của bà Đỗ Thị Xuân T, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bà Trương Thị Diễm P trả cho bà Đỗ Thị Xuân T số tiền 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Đỗ Thị Xuân T được chấp nhận nên bà Trương Thị Diễm P phải chịu án phí: 38.000.000 đồng x 5% = 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 117, Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 2 Điều 97, Điều 186, Điều 227, Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Xuân T

Buộc bà Trương Thị Diễm P trả cho bà Đỗ Thị Xuân T số tiền 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Trương Thị Diễm P phải chịu 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Xuân T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000 (một triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001385 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đỗ Thị Xuân T có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bà Trương Thị Diễm P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và và Luật sửa đổi, bổ sung một số

Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA